

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Anh Lý Tấn G, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng D và anh Lý Tấn G.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng D và anh Lý Tấn G tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Lý Kiến V sinh ngày 21/11/2010 và Lý Ngọc Thùy A sinh ngày 27/8/2014 có nguyện vọng sống chung với chị Phạm Thị Hồng D khi cha mẹ ly hôn.

Chị D và anh G thoả thuận quyền nuôi con như sau: Chị Phạm Thị Hồng D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lý Kiến V sinh ngày 21/11/2010 và Lý Ngọc Thùy A sinh ngày 27/8/2014 khi ly hôn.

Anh Lý Tấn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị D và anh G không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị D và anh G không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D và anh G không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010957 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Phạm Thị Hồng D được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã V, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Tranh**